

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ AN PHÁT**  
(Trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư ANPHA)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**



**MỤC LỤC**

|                                      | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 2            |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN                    | 3            |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4 - 5        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 7            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 8 - 16       |

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư ANPHA) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

|                       |                                              |
|-----------------------|----------------------------------------------|
| Ông Hồ Bửu Phương     | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2012) |
| Ông Trần Ngọc Minh    | Thành viên                                   |
| Ông Huỳnh Tấn Hiệp    | Thành viên                                   |
| Ông Nguyễn Tiến Thành | Thành viên                                   |

#### **Ban Giám đốc**

|                    |                                                     |
|--------------------|-----------------------------------------------------|
| Ông Hồ Bửu Phương  | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2012)   |
| Ông Bùi Công Giang | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2012) |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hồ Bửu Phương**

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3158/2013/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (Trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư ANPHA)

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2013 từ trang 4 đến trang 16. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán, kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 1 năm 2012 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Phạm Tiến Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0747/KTV  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Lương Xuân Trường**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1714/KTV



Thành viên hãng **AGN** International / Member Firm of **AGN** International

**Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

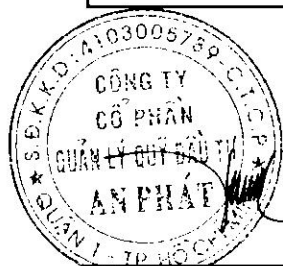
Mẫu B01-CTQ  
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012            | 01/01/2012            |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>12.709.355.251</b> | <b>12.084.674.809</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | <b>110</b> |             | <b>404.355.251</b>    | <b>12.044.123.717</b> |
| 1. Tiền                                       | 111        | 4           | 404.355.251           | 12.044.123.717        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |             | <b>12.300.000.000</b> | <b>9.151.092</b>      |
| 5. Các khoản phải thu khác                    | 135        | 5           | 12.300.000.000        | 9.151.092             |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b> |             | <b>-</b>              | <b>26.400.000</b>     |
| 1. Hàng tồn kho                               | 140        |             | -                     | 26.400.000            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>               | <b>150</b> |             | <b>5.000.000</b>      | <b>5.000.000</b>      |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước        | 154        | 6           | 5.000.000             | 5.000.000             |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>-</b>              | <b>2.939.188.029</b>  |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>-</b>              | <b>6.544.029</b>      |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | 7           | -                     | 6.544.029             |
| - Nguyên giá                                  | 222        |             | 877.177.939           | 877.177.939           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |             | (877.177.939)         | (870.633.910)         |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | 8           | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                  | 228        |             | 19.339.080            | 19.339.080            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |             | (19.339.080)          | (19.339.080)          |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | <b>-</b>              | <b>2.932.644.000</b>  |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | 9           | -                     | 2.932.644.000         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>12.709.355.251</b> | <b>15.023.862.838</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B01-CTQ  
 Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                              | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012            | 01/01/2012            |
|----------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>300</b> |             | <b>3.087.763</b>      | <b>7.425.245</b>      |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>310</b> |             | <b>3.087.763</b>      | <b>7.425.245</b>      |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314        | 10          | 3.087.763             | 7.425.245             |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>400</b> |             | <b>12.706.267.488</b> | <b>15.016.437.593</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>410</b> | <b>11</b>   | <b>12.706.267.488</b> | <b>15.016.437.593</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu           | 411        |             | 25.000.000.000        | 25.000.000.000        |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  | 420        |             | (12.293.732.512)      | (9.983.562.407)       |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>             | <b>440</b> |             | <b>12.709.355.251</b> | <b>15.023.862.838</b> |



**Hồ Bửu Phương**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 22 tháng 3 năm 2013

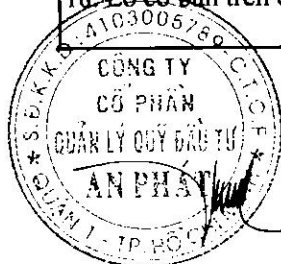
*h*

**Trần Thị Ái Liên**  
 Phụ trách kế toán

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B02-CTQ  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm 2012        | Năm 2011        |
|--------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu                                     | 01    |             | -               | 589.619.311     |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần                               | 10    |             | -               | 589.619.311     |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11    |             | -               | -               |
| 5. Lợi nhuận gộp                                 | 20    |             | -               | 589.619.311     |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    |             | 18.833.449      | 7.475.149       |
| 7. Chi phí tài chính                             | 22    | 12          | 1.000.000.000   | -               |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                        | 23    |             | -               | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                              | 24    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 25    |             | 1.329.003.554   | 3.446.624.083   |
| 10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh             | 30    |             | (2.310.170.105) | (2.849.529.623) |
| 11. Thu nhập khác                                | 31    |             | -               | 1.260.457       |
| 12. Chi phí khác                                 | 32    |             | -               | -               |
| 13. Lợi nhuận khác                               | 40    |             | -               | 1.260.457       |
| 14. Tổng lỗ kế toán trước thuế                   | 50    |             | (2.310.170.105) | (2.848.269.166) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51    |             | -               | -               |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 60    |             | (2.310.170.105) | (2.848.269.166) |
| 18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu                      | 70    | 13          | (924)           | (1.139)         |



**Hồ Bửu Phương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Trần Thị Ái Liên**  
Phụ trách kế toán

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B03-CTQ  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                    | Mã số     | Năm 2012                | Năm 2011              |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-----------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                           |           |                         |                       |
| 1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác      | 01        | -                       | 589.619.311           |
| 2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02        | (519.787.904)           | (369.261.894)         |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                          | 03        | (653.688.064)           | (1.337.103.077)       |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                    | 06        | 15.918.756.963          | 18.745.197.677        |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                   | 07        | (28.321.455.131)        | (16.815.474.095)      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                        | <b>20</b> | <b>(13.576.174.136)</b> | <b>812.977.922</b>    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                              |           |                         |                       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác        | 22        | 1.932.644.000           | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                            | <b>30</b> | <b>1.932.644.000</b>    | <b>-</b>              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                      | <b>50</b> | <b>(11.643.530.136)</b> | <b>812.977.922</b>    |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                     | <b>60</b> | <b>12.044.123.717</b>   | <b>11.231.145.795</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái                                      | 61        | 3.761.670               | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                    | <b>70</b> | <b>404.355.251</b>      | <b>12.044.123.717</b> |



**Hồ Bửu Phương**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

*h*

**Trần Thị Ái Liên**  
Phụ trách kế toán



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09-CTQ

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005789 ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh sau đó.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2012, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư ANPHA (tên trước đây của Công ty) đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư An Phát.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4 người).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề:

| STT | Họ và tên          | Số giấy phép  | Ngày cấp   | Vị trí công tác                    |
|-----|--------------------|---------------|------------|------------------------------------|
| 1   | Hồ Bửu Phương      | 272/QLQ       | 26/06/2009 | Tổng Giám đốc                      |
| 2   | Đỗ Chí Thiện       | 45/QĐ-CCHNQLQ | 21/12/2006 | Trưởng phòng đầu tư                |
| 3   | Trần Thị Ái Liên   | 48/QĐ-CCHNQLQ | 21/12/2006 | Trưởng phòng phân tích             |
| 4   | Nguyễn Thị Thùy An | 584/QLQ       | 18/03/2010 | Chuyên viên phân tích đầu tư       |
| 5   | Lưu Tường Bách     | 616/QLQ       | 08/04/2010 | Trưởng phòng nghiên cứu thị trường |

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm khấu hao

3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09-CTQ

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

|                    | 31/12/2012<br>VND  | 01/01/2012<br>VND     |
|--------------------|--------------------|-----------------------|
| Tiền mặt           | 197.134.635        | 11.990.419.916        |
| Tiền gửi ngân hàng | 207.220.616        | 53.703.801            |
| <b>Cộng</b>        | <b>404.355.251</b> | <b>12.044.123.717</b> |

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

|                    | 31/12/2012<br>VND     | 01/01/2012<br>VND |
|--------------------|-----------------------|-------------------|
| Nguyễn Hồng Vinh   | 5.000.000.000         | -                 |
| Hồ Thị Nguyên Thủy | 5.000.000.000         | -                 |
| Nguyễn Thị Vân     | 2.300.000.000         | -                 |
| Bảo hiểm xã hội    | -                     | 9.151.092         |
| <b>Cộng</b>        | <b>12.300.000.000</b> | <b>9.151.092</b>  |

Số dư cuối kỳ các khoản phải thu khác thể hiện khoản tiền Công ty cho các cá nhân mượn với thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận tiền. Việc cho mượn tiền này đã được các cổ đông thông qua bằng Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 4 tháng 12 năm 2012. Tại ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty đã thu hồi khoản tiền cho mượn của các cá nhân trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

|                                     | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|-------------------------------------|------------|------------|
|                                     | VND        | VND        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 5.000.000  | 5.000.000  |

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Thiết bị, dụng cụ quản lý |
|-------------------------------|---------------------------|
|                               | VND                       |
| <b>Nguyên giá</b>             |                           |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012   | 877.177.939               |
| Mua mới trong năm             | -                         |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 877.177.939               |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                           |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012   | 870.633.910               |
| Khấu hao trong năm            | 6.544.029                 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 877.177.939               |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                           |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012   | 6.544.029                 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | -                         |

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 877.177.939 đồng.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                                            | Phần mềm kế toán |
|--------------------------------------------|------------------|
|                                            | VND              |
| <b>Nguyên giá</b>                          |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2012 | 19.339.080       |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>              |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2012 | 19.339.080       |
| <b>Giá trị còn lại</b>                     |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2012 | -                |

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 19.339.080 đồng.

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

|                                           | 31/12/2012 | 01/01/2012           |
|-------------------------------------------|------------|----------------------|
|                                           | VND        | VND                  |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank | -          | 2.000.000.000        |
| Công ty Anpha Capital Advisors Limited    | -          | 932.644.000          |
| <b>Cộng</b>                               | -          | <b>2.932.644.000</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần chứng khoán Maritime Bank thể hiện giá trị của 200.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần mà Công ty sở hữu. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, toàn bộ số cổ phần này đã được Công ty chuyển nhượng cho nhà đầu tư khác.

Khoản đầu tư vào Công ty Anpha Capital Advisors Limited thể hiện khoản vốn góp vào Công ty Anpha Capital Advisors Limited tại British Virgin Island. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, toàn bộ số vốn góp này đã được Công ty chuyển nhượng cho nhà đầu tư khác.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                       | 31/12/2012<br>VND | 01/01/2012<br>VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.087.763         | 7.425.245         |

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Biến động vốn chủ sở hữu trong năm**

|                               | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu<br>VND | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011   | 25.000.000.000                      | (7.135.293.241)                                | 17.864.706.759   |
| Lỗi trong năm                 | -                                   | (2.848.269.166)                                | (2.848.269.166)  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012   | 25.000.000.000                      | (9.983.562.407)                                | 15.016.437.593   |
| Lỗi trong năm                 | -                                   | (2.310.170.105)                                | (2.310.170.105)  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 25.000.000.000                      | (12.293.732.512)                               | 12.706.267.488   |

**Chi tiết vốn điều lệ**

Theo Giấy phép điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

|                       | 31/12/2012<br>VND     | Tỷ lệ       | 01/01/2012<br>VND     | Tỷ lệ       |
|-----------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| Ông Thân Ngọc Minh    | 6.250.000.000         | 25%         | 6.250.000.000         | 25%         |
| Ông Hồ Bửu Phương     | 8.750.000.000         | 35%         | 8.750.000.000         | 35%         |
| Ông Nguyễn Tiến Thanh | 5.000.000.000         | 20%         | 5.000.000.000         | 20%         |
| Ông Huỳnh Tấn Hiệp    | 5.000.000.000         | 20%         | 5.000.000.000         | 20%         |
| <b>Cộng</b>           | <b>25.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>25.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

**Cổ phần**

|                                       | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành    | 2.500.000  | 2.500.000  |
| Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 2.500.000  | 2.500.000  |
| + Cổ phần phổ thông                   | 2.500.000  | 2.500.000  |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành        | 2.500.000  | 2.500.000  |
| + Cổ phần phổ thông                   | 2.500.000  | 2.500.000  |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                   | Năm 2012<br>VND | Năm 2011<br>VND |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí chuyển nhượng chứng khoán | 1.000.000.000   | -               |

**13. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                   | Năm 2012<br>VND | Năm 2011<br>VND |
|---------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lỗ sau thuế của công ty                           | (2.310.170.105) | (2.848.269.166) |
| Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 2.500.000       | 2.500.000       |
| Lỗ cơ bản trên cổ phiếu                           | (924)           | (1.139)         |

**14. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

|                                      | Giá trị ghi sổ tại ngày |                       |
|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                      | 31/12/2012              | 01/01/2012            |
|                                      | VND                     | VND                   |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                         |                       |
| Tiền và khoản tương đương tiền       | 404.355.251             | 12.044.123.717        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 12.300.000.000          | 9.151.092             |
| <b>Cộng</b>                          | <b>12.704.355.251</b>   | <b>12.053.274.809</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                         |                       |
| Các khoản vay và nợ                  | -                       | -                     |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | -                       | -                     |
| <b>Cộng</b>                          | <b>-</b>                | <b>-</b>              |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

***Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                      | <b>Dưới 1 năm<br/>VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>Tại ngày 31/12/2012</b>           |                           |                          |
| Tiền và khoản tương đương tiền       | 404.355.251               | 404.355.251              |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 12.300.000.000            | 12.300.000.000           |
| <b>Cộng</b>                          | <b>12.704.355.251</b>     | <b>12.704.355.251</b>    |
| <b>Tại ngày 31/12/2012</b>           |                           |                          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | -                         | -                        |
| Các khoản vay                        | -                         | -                        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>-</b>                  | <b>-</b>                 |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>12.704.355.251</b>     | <b>12.704.355.251</b>    |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ AN PHÁT**

Tầng 5, Số 8 Phố Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09-CTQ

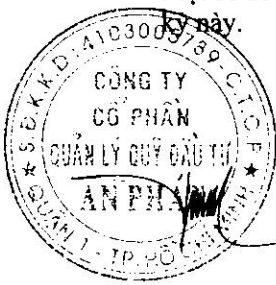
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

|                 | Năm 2012<br>VND | Năm 2011<br>VND |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| Lương và thưởng | 243.950.000     | 396.000.000     |

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**Hồ Bửu Phương**

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

**Trần Thị Ái Liên**

Phụ trách kế toán